

Số: 37/2024/QĐST- HNGĐ

Cao Bằng, ngày 02 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 25/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: **Mông Thị Hồng N** – Sinh năm 1989

Nơi ĐKTT: **Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

- Bị đơn: **Nông Đình Đ** – Sinh năm 1989

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Mông Thị Hồng N** – Sinh năm 1989

Nơi ĐKTT: **Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

Anh **Nông Đình Đ** – Sinh năm 1989

Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: **Tổ I, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **Mông Thị Hồng N** và anh **Nông Đình Đ**.

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là **Nông Thị Bích N1** (giới tính: Nữ, sinh ngày 28/5/2015) và **Nông Hồng T** (giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/4/2020).

Các đương sự cùng thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung sau khi ly hôn như sau:

Sau khi ly hôn ông **Nông Đình Đ** là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là **Nông Thị Bích N1** (giới tính: Nữ, sinh ngày 28/5/2015) và **Nông Hồng T** (giới tính: Nữ, sinh ngày: 11/4/2020) cho đến khi các con chung thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thăm nom con chung sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn người không trực tiếp có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về việc chia tài sản chung, nợ chung:

Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Chị **Mông Thị Hồng N** và anh **Nông Đình Đ** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí trong trường hợp thuận tình ly hôn.

Chị **Mông Thị Hồng N** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm cho anh **Nông Đình Đ**. Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm chị **N** phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng áp phí dân sự sơ thẩm mà chị **N** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000951 ngày 08/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Xác nhận chị **N** đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPCB;
- UBND phường Sông Hiến, TP.Cao Bằng;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hanh